

CHƯƠNG 5: KỸ THUẬT PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nội Dung Chương 5

- ❖ Nhóm các tỷ số thanh khoản
- ❖ Nhóm các tỷ số nợ
- ❖ Nhóm các tỷ số hoạt động
- ❖ Nhóm các tỷ số khả năng sinh lời
- ❖ Nhóm các tỷ số thị trường

Nhóm tỷ số thanh khoản

- ❖ **Tỷ số thanh khoản** cho biết khả năng trả nợ ngắn hạn của công ty
 - *Tỷ số thanh khoản hiện thời-current ratio (Rc)*

$$Rc = \frac{TSNH}{NNH}$$

- Rc: Current ratio-tỷ số thanh khoản
- TSNH: Tài sản ngắn hạn
- NNH: Nợ ngắn hạn
- Nếu hệ số này lớn hơn bằng 1 thì hoạt động tài chính của doanh nghiệp được cho là bình thường. Thường được chủ nợ chấp nhận cho vay nếu hệ số này lớn hơn hoặc bằng 2. Nếu doanh nghiệp không cần nhiều hàng tồn kho thì nhỏ hơn 2 vẫn được coi là tốt, còn đối với các doanh nghiệp sản xuất mang tính thời vụ thì yêu cầu phải cao hơn. Nếu Rc nhỏ hơn 1 thì công ty rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Nhóm tỷ số thanh khoản

❖ *Tỷ số thanh toán nhanh (quick ratio-Rq)*

$$Rq = \frac{T + CKKM + KPT}{NNH}$$

- Rq: Tỷ số thanh toán nhanh
- T: tiền
- CKKM: chứng khoán khả mại
- KPT: Khoản phải thu
- NNH: Nợ ngắn hạn
- Rq thể hiện khả năng huy động về tiền mặt và các tài sản dễ chuyển đổi thành tiền mặt (có tính thanh khoản cao) đáp ứng cho nhu cầu thanh toán nợ ngắn hạn mà các chủ nợ yêu cầu. Công thức xác định khả năng thanh toán nhanh không tính đến hàng tồn kho vì đó không phải là loại tài sản có khả năng dùng để thanh toán cao (đặc biệt là khi đó lại là hàng hóa ế ẩm và khó bán).
- Rq quá nhỏ thì công ty sẽ giảm uy tín đối với bạn hàng và sẽ dễ gặp phải khó khăn khi thanh toán công nợ. Nếu hệ số này quá lớn lại phản ánh lượng tiền tồn quỹ nhiều làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.

Nhóm tỷ số thanh khoản

- *Tỷ số thanh toán tiền mặt (cash ratio-Rc)*

$$Rc = \frac{T + CKKM}{NNH}$$

- Rc: Tỷ số khả năng thanh toán tiền mặt
- CKKM: Chứng khoán khả mại
- NNH: Nợ ngắn hạn
- Rc thể hiện mối quan hệ giữa lượng tiền mặt công ty hiện có với các khoản nợ ngắn hạn.
- Rc không phải càng cao càng tốt. Nếu công ty nắm giữ tiền mặt quá nhiều cho thấy hiệu quả sử dụng đồng vốn không tốt. Tuy nhiên nếu lượng tiền mặt công ty nắm giữ quá thấp sẽ ảnh hưởng tới khả năng chi trả các khoản nợ của mình.

Nhóm chỉ số nợ

Tỷ số nợ trên vốn chủ (debt to equity – D/E)

$$D / E = \frac{TN}{VCSH}$$

- D/E: Tỷ số nợ trên vốn chủ
- TN: tổng nợ=Nợ dài hạn +nợ ngắn hạn có chịu lãi
- VCSH: Vốn chủ sở hữu
- Hệ số này càng nhỏ càng chứng tỏ doanh nghiệp có tiềm lực tài chính tốt không phải phụ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài. Tuy nhiên nếu như hệ số này quá nhỏ thì doanh nghiệp cũng sẽ không tận dụng được lợi thế của đòn bẩy tài chính.

Nhóm tỷ số nợ

Tỷ số nợ trên tổng tài sản (D/A)

$$D / A = \frac{TN}{TTS}$$

- D/A: tỷ số nợ trên tổng tài sản
- TN: tổng nợ=Nợ dài hạn+nợ ngắn hạn có chịu lãi
- TTS: Tổng Tài sản
- Hệ số này nếu như quá cao chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng khá nhiều vốn vay để tài trợ cho hoạt động của mình điều này sẽ làm cho doanh nghiệp dễ mất khả năng thanh toán.

Nhóm tỷ số nợ

- *Chỉ số đòn bẩy tài chính (financial leverage ratio-FL)*

$$FL = \frac{TTSBQ}{TVCSHBQ}$$

- TTSBQ: Tổng tài sản bình quân
- TVCSHBQ: Tổng Vốn chủ sở hữu bình quân
- Bình quân có nghĩa là lấy giá trị trung bình của đầu kỳ và cuối kỳ. Chỉ số đòn bẩy tài chính càng cao chứng tỏ công ty sử dụng nhiều nợ vay và đồng nghĩa với việc càng rủi ro cho cổ đông và trái chủ

Nhóm tỷ số nợ

- *Tỷ số đảm bảo trả lãi vay (interest coverage ratio-IC)*

$$IC = \frac{EBIT}{I}$$

- IC: Tỷ số đảm bảo lãi vay
- EBIT: thu nhập trước thuế và lãi vay
- I: tổng lãi vay phải trả
- IC càng thấp chứng tỏ khả năng thanh toán lãi vay của công ty thấp

Nhóm tỷ số khả năng sinh lời (Profittability ratios)

Lợi nhuận biên sau thuế (net profit margin-NPM)

$$NPM = \frac{LNST}{DT}$$

- PM: lợi nhuận biên sau thuế
- LNST: lợi nhuận sau thuế
- DT: doanh thu
- Cho biết 100 đồng doanh thu có bao nhiêu đồng lợi nhuận thuộc về chủ sở hữu DN. Lợi nhuận biên sau thuế có sự đóng góp của thu nhập tài chính và thu nhập khác vì vậy luôn phải được xem xét cùng với lợi nhuận biên gộp và lợi nhuận biên trước thuế và lợi nhuận biên HĐSXKD.
- DN có tỷ suất lợi nhuận biên sau thuế cao thì có sức cạnh tranh với các đối thủ xét trên tổng hợp các yếu tố kinh doanh. Tỷ suất lợi nhuận biên sau thuế gần với tỷ suất lợi nhuận biên trước thuế sẽ tốt hơn.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của DN, chính sách thuế ưu đãi hoặc được hưởng lãi vay thấp ... đều giúp DN tăng lợi nhuận biên sau thuế.

Nhóm tỷ số khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận biên hoạt động (operating profit margin-OPM)

$$OPM = \frac{EBIT}{DT}$$

- EBIT: Lợi nhuận trước thuế và lãi vay
- DT: Doanh thu
- Tỷ suất lợi nhuận hoạt động biên càng gần với tỷ suất lợi nhuận biên gộp và gần 1 thì càng tốt, vì khi đó các chi phí bán hàng hay quản lý DN đều thấp cho thấy DN đang đi đúng hướng với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của DN.

Nhóm tỷ số khả năng sinh lời

❖ Tỷ số lợi nhuận gộp/DT (gross profit margin-GPM)

$$GPM = \frac{LNG}{DT}$$

- LNG: Lợi nhuận gộp
- DT: Doanh thu
- Cho biết trong 100 đồng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có bao nhiêu đồng lợi nhuận, bao nhiêu đồng giá vốn. Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả quản lý giá vốn của DN.
- Lợi nhuận biên gộp luôn nhỏ hơn hoặc bằng 1. Chỉ tiêu này càng gần 1 cho thấy giá vốn hàng bán càng nhỏ, nghĩa là DN được nhiều lợi nhuận hơn nhờ có nguồn cung cấp tốt hoặc kiểm soát chi phí hiệu quả.
- Một sự thay đổi nhỏ trong cơ cấu sản phẩm hay phương thức bán hàng cũng làm thay đổi tỷ suất lợi nhuận gộp. Tỷ suất này với mỗi ngành là khác nhau và trong cùng một ngành ở mỗi giai đoạn tăng trưởng cũng khác nhau.

Nhóm các Tỷ số sinh lời

Tỷ số LNR/TTS (ROA-return on asset)

$$ROA = \frac{LNST}{TTSBQ}$$

- LNST: lợi nhuận sau thuế
- TTSBQ: tổng tài sản bình quân (đầu kỳ + cuối kỳ chia 2)
- Đo lường khả năng sinh lời trên mỗi đồng tài sản của DN. Cung cấp các thông tin về các khoản lãi được tạo ra từ lượng vốn đầu tư (hay lượng tài sản) .
- ROA đối với các DN cổ phần có sự khác biệt rất lớn và phụ thuộc nhiều vào ngành kinh doanh. Đó là lý do tại sao khi sử dụng ROA để so sánh các DN, tốt hơn hết là nên so sánh ROA của mỗi DN qua các năm và so giữa các DN tương đồng nhau.

Nhóm chỉ số sinh lời

- **Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ (ROE-return on equity)**

$$ROE = \frac{LNR}{VCSHBQ}$$

- LNR: Lợi nhuận ròng
- VCSHBQ: Vốn chủ sở hữu bình quân
- Chỉ tiêu này đo lường chính xác nhất khả năng sinh lời trên mỗi đồng vốn của cổ đông. Nó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nếu đứng trên góc độ cổ đông để xem xét DN.
- Chỉ tiêu này dùng để so sánh với các cổ phiếu cùng ngành để tham khảo khi quyết định mua cổ phiếu của DN nào. ROE càng cao càng chứng tỏ DN sử dụng hiệu quả đồng vốn của cổ đông, có nghĩa là DN đã cân đối một cách hài hòa giữa vốn cổ đông với vốn đi vay để khai thác lợi thế cạnh tranh của mình trong quá trình huy động vốn, mở rộng quy mô. Do đó hệ số ROE càng cao thì các cổ phiếu càng hấp dẫn các nhà đầu tư hơn.

Nhóm tỷ số hiệu quả hoạt động

Chỉ số	Công Thức	Giải thích
Vòng quay các khoản phải thu(lần/năm)	Doanh thu thuần/TB các khoản phải thu	Khoản phải thu sẽ được thu hồi bao nhiêu lần trong năm. Càng cao càng tốt. Nếu cao quá cho thấy CSTD chặt chẽ của công ty
Vòng quay các khoản phải trả(lần/năm)	Giá vốn hàng bán/trung bình các khoản phải trả	Bao nhiêu lần phải thanh toán nợ cho nhà cung cấp. Càng thấp càng tốt→chiếm dụng vốn của người khác trong thời gian dài. Nếu cao có nghĩa là áp lực thanh toán nợ cao, công ty phải nhanh chóng quay vòng vốn để trả nợ.
Vòng quay hàng tồn kho (lần/năm)	Giá vốn hàng bán/trung bình hàng tồn kho	Cao cho thấy hiệu quả QL HTK, có nghĩa là công ty bán được nhiều hàng. Thấp, bị tồn đọng nhiều hàng hóa, tuy nhiên cũng có thể do công ty tích trữ nguyên vật liệu. Phải đánh giá HTK theo từng ngành.

Nhóm tỷ số hiệu quả hoạt động

Số ngày các khoản phải thu	360/vòng quay các khoản phải thu	Càng thấp càng tốt. Nếu thấp quá→CSTD chặt chẽ
Số ngày các khoản phải trả	360/vòng quay các khoản phải trả	Càng cao càng tốt
Số ngày hàng tồn kho	360/vòng quay hàng tồn kho	Càng thấp càng tốt
Chu kỳ luân chuyển tiền mặt	Số ngày khoản phải thu+ số ngày hàng tồn kho-số ngày khoản phải trả	Càng thấp càng tốt
Vòng quay tổng tài sản	Doanh thu thuần/trung bình tổng tài sản	Trung bình một đồng TS tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Càng cao càng tốt
Vòng quay vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần/trung bình vốn chủ sở hữu	Trung bình một đồng vốn chủ sở hữu tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu

Phương Pháp Dupont

- Phương trình dupont

$$ROE = \frac{LNR}{VCSH} = \frac{LNR}{DT} \times \frac{DT}{VCSH} = \frac{LNR}{DT} \times \frac{DT}{TTS} \times \frac{TTS}{VCSH}$$

- ROE=Tỷ số lợi nhuận biên thuần *vòng quay vốn chủ sở hữu
- ROE=Tỷ số lợi nhuận biên thuần*vòng quay tổng tài sản* đòn bẩy tài chính
- Có 3 cách tăng ROE: Tăng khả năng sinh lời, tăng vòng quay và sử dụng đòn bẩy tài chính

Phương pháp dupont mở rộng

$$ROE = \frac{LNR}{EBT} \times \frac{EBT}{EBIT} \times \frac{EBIT}{DT} \times \frac{DT}{TTS} \times \frac{TTS}{VCSH}$$

$$\frac{LNR}{EBT} = (1 - tax\ rate) - \text{---} > Tax\ burden$$

$$\frac{EBT}{EBIT} - \text{---} > interest\ burden$$

$$ROE = (Taxburden) * (interest\ burden) * EBITmargin * VQTTS * DBTC$$

Thuế và lãi vay tăng sẽ làm giảm ROE. Không phải lúc nào tăng vay nợ cũng làm tăng ROE vì khi nợ vay cao, lãi vay phải trả cũng cao hơn.

Nhóm chỉ số thị trường

- ***Giá/Thu nhập (P/E)***: Cho biết nhà đầu tư sẵn lòng trả giá bao nhiêu cho cổ phiếu để thu về 1 đồng tiền lãi.

$$P/E = \text{Giá/Thu nhập trên mỗi cổ phần}$$

- Nếu một DN có hệ số P/E cao hơn mức trung bình của toàn bộ thị trường hay mức bình quân ngành, điều này có nghĩa là thị trường đang kỳ vọng vào khả năng tăng trưởng tốt của DN trong tương lai, có thể là vài tháng hoặc vài năm nữa. Một DN có hệ số P/E cao cuối cùng sẽ phải “xứng đáng với kì vọng của thị trường” thể hiện thông qua sự tăng trưởng lớn về lợi nhuận hoạt động, nếu không chắc chắn giá cổ phiếu của DN đó sẽ giảm.

Nhóm chỉ số thị trường

- ***Giá thị trường/Giá trị sổ sách (P/B)***: cho biết mối quan hệ giữa giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu (BVPS)

$P/B = \text{Giá cổ phiếu} / \text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần}$

$BVPS = \text{VCSH kỳ báo cáo} / \text{SLCPLH}$

- Hệ số giá trên giá trị sổ sách một cổ phiếu có ý nghĩa liên quan đến độ an toàn của khoản đầu tư dài hạn. Hệ số này càng cao thì rủi ro càng lớn.
- Khi đánh giá chỉ tiêu này, nhà đầu tư cần đưa ra các tiêu chí khác nhau cho mỗi lĩnh vực, ngành nghề mà DN đang kinh doanh.

Hạn chế của phân tích theo tỷ số tài chính

- Trong nhiều trường hợp khó xác định nhóm ngành của công ty
- Các số liệu công bố về ngành chỉ mang tính chất tham khảo
- Chuẩn mực kế toán mà công ty áp dụng có thể khác nhau
- Các tỷ lệ tài chính của ngành có thể chưa phải là tiêu chuẩn so sánh phù hợp
- Yếu tố thời vụ có thể ảnh hưởng tới các tỷ lệ tài chính
- Trong một số trường hợp khó có thể giải thích sự biến động của các tỷ lệ tài chính

Kỹ thuật phân tích theo tỷ lệ

❖ *Phân tích chiều dọc*

- Các khoản mục trên bảng cân đối kế toán được thể hiện dưới dạng % của tổng tài sản và các khoản mục trên bảng KQHĐ được trình bày dưới dạng % của doanh thu. Đây được gọi là phân tích theo tỉ lệ dọc và dạng phân tích này cho phép đánh giá các khoản mục của bảng cân đối kế toán của công ty cũng như hiệu quả SXKD của công ty theo thời gian, so sánh chúng với các công ty khác và với trung bình ngành.

❖ *Phân tích chiều ngang.*

- Chỉ số hóa mỗi khoản mục theo giá trị năm cơ sở
- VD: Mẫu trình bày bảng KQHĐSXKD và BCĐKT của PPC..<https://fb.com/tailieudientucntt>
[PPC..\hbbs\Lap Database tại HBBS\BCTC Nam\BCTC N\HCM\PPC.xls](https://fb.com/tailieudientucntt)

CHƯƠNG 6: ỨNG DỤNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ứng Dụng PTBCTC Trong Dự Báo Tài Chính

- Dự báo bảng lỗ lãi
- Bảng cân đối kế toán
- Dự báo dòng tiền
- Case Study –Dự báo tình hình tài chính công ty Nhiệt Điện Phả Lại..[..\Spreadsheet\PPC valuation.xls](https://fb.com/tailieudientucntt)

Ứng dụng PPTC Trong Phân Tích Chứng khoán

- Phân tích nền kinh tế → Phân bổ vốn đầu tư
- Phân tích ngành → lựa chọn ngành
- Phân tích công ty → Lựa chọn công ty đầu tư

Ứng dụng phân tích tài chính trong phân tích chứng khoán

- *Phân tích định lượng*
 - Phân tích báo cáo tài chính
- *Phân tích định tính*
 - ✓ Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của công ty
 - ✓ Phân tích chất lượng hoạt động quản lý
 - ✓ Phân tích kế hoạch, chiến lược kinh doanh của công ty
- Ví dụ: [..\..\Spreadsheet\PPC full report.pdf](#)
- Công cụ phân tích: [..\..\Spreadsheet\StoxPro2.2.xls](#)